

Số: 3261/QĐ - BYTHà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2019**QUYẾT ĐỊNH****Về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn
đối với Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Lạt****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ - CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ - CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ - CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT - BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Công văn số 592/SYT-NVY của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt danh mục kỹ thuật bổ sung cho Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Lạt;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Lạt (địa chỉ: Đồi Long Thọ, phường 10, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) được thực hiện bổ sung 75 kỹ thuật chuyên môn (danh mục kèm theo) theo quy định tại Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Lạt phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục Trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế, Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Lạt và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thị Kim Tiên (để báo cáo);
- Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng (để chỉ đạo);
- Lưu: VT, KCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Việt Tiến**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HOÀN MỸ ĐÀ LẠT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3261/QĐ-BYT ngày 25 tháng 7 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật
Bệnh viện đa khoa Hoàn Mỹ Đà Lạt)

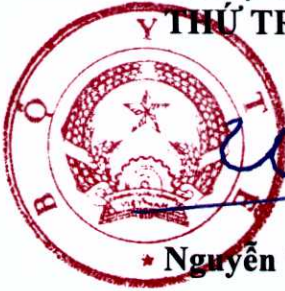
Số TT	Số TT theo TT 43/2013/TT -BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC		
		Đ: THẦN KINH
1	201	Soi đáy mắt cấp cứu
IX. GÂY MÊ HỒI SỨC		
		Đ: GÂY TÊ
2	3349	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi có trọt lông mi, vạt da, hay ghép da
3	3350	Gây tê phẫu thuật cắt u da mi không ghép
4	3361	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép
5	3362	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc
6	3363	Gây tê phẫu thuật cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ
7	3376	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da
8	3377	Gây tê phẫu thuật cắt u mi cả bề dày không ghép
9	3459	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK
10	3470	Gây tê phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt dịch kính
11	3512	Gây tê phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
12	3935	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt IOL trên mắt độc nhất
13	3936	Gây tê phẫu thuật lấy thể thủy tinh trong bao, ngoài bao, Phaco có hoặc không đặt thể thủy tinh nhân tạo trên mắt độc nhất
14	3994	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa
15	3995	Gây tê phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học
XIII. PHỤ SẢN		
		E. PHÁ THAI
16	229	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần

17	231	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần
18	232	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22
19	238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không
20	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
21	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
XIV. MẮT		
22	5	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL
23	44	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL
24	65	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá
25	112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi
26	116	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi
27	127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)
28	200	Lấy dị vật kết mạc
29	201	Khâu kết mạc
30	202	Lấy calci kết mạc
31	203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản
32	204	Cắt chỉ khâu kết mạc
33	205	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu
34	206	Bơm rửa lệ đạo
35	207	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc
36	208	Thay băng vô khuẩn
37	209	Tra thuốc nhỏ mắt
38	210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
39	211	Rửa cùng đồ
40	212	Cấp cứu bong mắt ban đầu
41	218	Soi đáy mắt trực tiếp
		Chẩn đoán hình ảnh
42	240	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm
43	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
44	260	Đo thị lực
45	275	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm
XVIII. ĐIỆN QUANG		
		Đ. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP
		5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm
46	619	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
47	620	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
48	621	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm

49	622	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
50	623	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm
51	626	Chọc ổ dưới hướng dẫn của siêu âm
52	628	Chọc hút dịch màng tin dưới hướng dẫn siêu âm
53	629	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm
54	630	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm
55	631	Chọc mạch máu dưới hướng dẫn siêu âm
XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG		
		G. CƠ XƯƠNG KHỚP
56	102	Đo mật độ xương bằng phương pháp DEXA
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU		
		A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU
57	77	Định lượng PIVKA (Proteins Induced by Vitamin K Antagonism or Absence)
XXIII. HÓA SINH		
		A. MÁU
58	85	Định lượng HE4
59	124	Định lượng Pepsinogen I
60	125	Định lượng Pepsinogen II
61	144	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen)
XXIV. VI SINH		
		A. VI KHUẨN
		6. Các vi khuẩn khác
62	74	Helicobacter pylori Ab test nhanh
63	76	Helicobacter pylori Ab miễn dịch bán tự động
		B. VIRUS
		2. Hepatitis virus
64	136	HBV đo tải lượng Real-time PCR
65	151	HCV đo tải lượng Real-time PCR
		5. Herpesviridae
66	194	CMV IgM miễn dịch tự động
67	196	CMV IgG miễn dịch tự động
XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC		
68	1	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
69	2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
70	13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da
71	14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt
72	15	Chọc hút kim nhỏ các hạch
73	19	Chọc hút kim nhỏ mô mềm

	Số TT theo TT 21/2017/TT -BYT	
74	503	Test thở C13 tìm Helicobacterpylori
75	293	Siêu âm + đo trực nhãn cầu

**KT. BỘ TRƯỞNG
Y THỦ TRƯỞNG**



*** Nguyễn Viết Tiến**